

Bản án số: 71/2018/KDTM-ST

Ngày: 25/10/2018.

Về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp

2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 107/2017/TLST-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2018/QĐXXST- KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 366/2018/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T (Việt Nam); địa chỉ trụ sở: Số M đường H, phường M2, quận N, TP. Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Số B đường T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H – Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thùy N; địa chỉ: Số B đường T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 13/12/2017) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư L; địa chỉ: Số B đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lữ Đình M – Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số N đường L, phường T, thành phố Q, tỉnh N (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Bà Ngô Thị Thùy N trình bày:

Từ tháng 02/2017 đến tháng 5/2017, Công ty TNHH T(Việt Nam)(sau đây được viết tắt là Công ty T) có nhận cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh cho Công ty TNHH Đầu tư L (sau đây được viết tắt là Công ty L a Belle), theo Bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ chuyển phát mà Công ty TNHH Đầu tư L đã ký kết sử dụng dịch vụ của Công ty T và bản các điều khoản và điều kiện vận chuyển và thực hiện các dịch vụ khác của TNT. Quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ Công ty T đã hoàn tất việc chuyển phát đến khách hàng của Công ty L và ngược lại. Công ty L đã thanh toán đầy đủ các khoản tiền cước phí theo những hóa đơn từ tháng 02/2017 đến tháng 4/2017. Khoản nợ tiền cước theo những hóa đơn từ ngày 16/02/2017 đến ngày 19/10/2017 Công ty L chưa thanh toán cho Công ty T với tổng số tiền là 96.696.085 đồng. Công ty T đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và vào ngày 23/10/2017 phía Công ty L đã xác nhận nợ 96.696.085 đồng nhưng vẫn chưa thanh toán, đến ngày 13/11/2017 Công ty T đã có văn bản yêu cầu thanh toán khoản nợ cước dịch vụ trên và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 17/11/2017 là 8.687.901 đồng, lãi suất áp dụng 1.5%/tháng và yêu cầu thanh toán trước ngày 18/11/2017 đã được bộ phận kế toán xác nhận. Nay Công ty T yêu cầu Công ty L thanh toán khoản nợ là 96.696.085 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 25/10/2018 là 23.336.971 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Công ty L thanh toán là 120.033.056 đồng. Trả 01 lần sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 26/10/2018 yêu cầu Công ty L tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ cước chưa thanh toán theo mức lãi suất 1.5%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cước này.

Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư L - ông Lữ Đình M vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai, đơn trình bày và đơn xin vắng mặt ngày 31/7/2017, ông Lữ Đình M trình bày như sau:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312443102 thì ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư L (Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 30/10/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 01/11/2017). Ông đã nhận được giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án. Đối với vụ kiện tranh chấp giữa Công ty T và Công ty L cá nhân ông không liên quan, ông cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ liên quan nào để cung cấp cho Tòa. Ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Ông M có đơn xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn xin vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Công ty T và những tài liệu, chứng cứ đương sự đã biết) cho bị đơn. Do vắng mặt bị đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ cước theo các hóa đơn từ ngày 16/02/2017 đến ngày 19/10/2017 là 96.6960.085 đồng. Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về trả khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 23.336.971 đồng và lãi phát sinh trên số tiền nợ cước theo mức lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày 26/10/2018.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Công ty TNHH Đầu tư L – Người đại diện theo pháp luật vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và 71. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 74, Điều 306 của Luật Thương mại. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán khoản nợ cước 96.6960.085 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền lãi do chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH T (Việt Nam) có đơn khởi yêu cầu Công ty TNHH Đầu tư L thanh toán khoản nợ cước phát sinh theo bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ của Công ty T và theo Giấy nhận nợ ngày 23/10/2017. Đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ và Công ty L có địa chỉ trụ sở tại quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ biên bản xác minh ngày 10/01/2018 có nội dung “*Công ty TNHH Đầu tư L; địa chỉ Số B đường N, Phường B, quận G, hiện nay còn hoạt động*”. Tại Công văn số 112/ĐKKD-THKT ngày 28/02/2018 của Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh thể hiện Công ty TNHH Đầu tư L hiện nay chưa đăng ký giải thể và kết quả xác minh ngày 16/4/2018 của công an Phường B, quận G thể hiện từ tháng 02/2018 Công ty L đã đóng cửa và đã tháo bảng hiệu. Người đại diện theo pháp luật của Công ty L cũng không cung cấp thông tin về địa chỉ hiện tại của Công ty L theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, Công ty T đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi có trụ sở của Công ty L. Công ty L thay đổi địa chỉ trụ sở mà không thông báo cho người khởi kiện biết được xem là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Gò Vấp. Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bị đơn - Người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T (Việt Nam) yêu cầu Công ty TNHH Đầu tư L thanh toán khoản nợ cước 96.6960.085 đồng trên cơ sở Bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ chuyển phát mà Công ty L đã ký kết, các hóa đơn và văn bản xác nhận nợ về khoản nợ 96.6960.085 đồng. Bị đơn, do Ông M là người đại diện theo pháp luật trình bày tại bản khai và bản tường trình nộp cho Tòa án, ông xác định cá nhân ông không liên quan đến vụ kiện tranh chấp giữa Công ty T và Công ty L. Đề nghị Tòa căn cứ pháp luật giải quyết và không trình bày ý kiến về khoản nợ Công ty T khởi kiện Công ty L cũng như không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Hội đồng xét xử căn cứ bản thỏa thuận ngày 10/02/2017 về cung cấp dịch vụ chuyển phát mà Công ty TNHH Đầu tư

L đã ký kết sử dụng dịch vụ chuyển phát của Công ty T. Đối chiếu với các hóa đơn cung cấp dịch vụ chuyển phát do Công ty T cung cấp đủ cơ sở để xác định Công ty L đã ký kết bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ chuyển phát của Công ty T và bắt đầu sử dụng dịch vụ chuyển phát từ tháng 02/2017. Thực hiện việc cung cấp dịch vụ chuyển phát, Công ty T hoàn tất việc chuyển phát đến khách hàng của Công ty L và ngược lại. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2017 đến tháng 5/2017 Công ty L đã thanh toán cước phí đầy đủ, đối chiếu các hóa đơn từ tháng 6/2017 gồm: HĐ số 0100711 SA/16P ngày 16/5/2017; HĐ số 0001512 SA/17P ngày 23/5/2017; HĐ số 0003422 SA/17P ngày 30/5/2017; HĐ số 0003423 SA/17P ngày 30/5/2017; HĐ số 0007207 SA/17P ngày 06/6/2017; HĐ số 0007208 SA/17P ngày 06/6/2017; HĐ số 0008743 SA/17P ngày 13/6/2017; HĐ số 0008744 SA/17P ngày 13/6/2017; HĐ số 0009056 SA/17P ngày 14/6/2017; HĐ số 0009672 SA/17P ngày 19/6/2017; HĐ số 0026233 SA/17P ngày 12/9/2017; HĐ số 0028528 SA/17P ngày 20/9/2017; HĐ số 0028529 SA/17P ngày 20/9/2017; HĐ số 0034981 SA/17P ngày 12/10/2017 và HĐ số 0036685 SA/17P ngày 19/10/2017 với tổng số tiền cước còn nợ là 96.696.085 đồng, số tiền nợ cước đã được Công ty L xác nhận vào ngày 23/10/2017. Mặc dù đã được Công ty T nhắc nhở nhiều lần nhưng đến nay Công ty L vẫn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty L thanh toán khoản tiền nợ cước 96.696.085 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về thời gian trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngày 23/10/2017 bị đơn đã xác nhận còn nợ Công ty T khoản tiền cước 96.696.085 đồng, nhưng cho đến nay bị đơn chưa khoản nợ cước trên đã gây ra thiệt hại cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán khoản tiền nợ cước 96.696.085 đồng cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 25/10/2018 với số tiền 23.336.971 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ cước chưa thanh toán theo mức lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày 26/10/2018. Tại phiên tòa bà Nga là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút lại yêu cầu trả lãi đối với bị đơn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả tiền lãi đối với bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút về yêu cầu trả lãi này, nếu sau này có khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ là 96.696.085 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 4.834.804 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0028270 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, , Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ các Điều 74, 82, 85 và Điều 306 của Luật thương mại;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc Công ty TNHH Đầu tư L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T(Việt Nam) khoản nợ là 96.696.085 đồng (Chín mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn không trăm tám mươi lăm đồng). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền tạm tính đến ngày 25/10/2018 là 23.336.971 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày 26/10/2018. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Đầu tư L

phải chịu là 4.834.804 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi tư nghìn tám trăm lẻ bốn đồng).

Công ty TNHH T (Việt Nam) không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0028270 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành Huế